TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **215**/2018/LĐ-ST
Ngày: 29/11/2018
V/v tranh chấp tiền lương
và tiền phép năm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mỹ Hồng

2. Ông Mai Ngọc Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST-LĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp tiền lương và tiền phép năm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 466/2018/QĐXXST-LĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 439/2018/QĐST-LĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Yến N**, sinh năm 1997; Thường trú: ấp 4, xã H, huyện T, tỉnh Đ. Địa chỉ: 66/6 phường H, quận B, Thành phố H; (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Duy B, sinh năm 1961; Địa chỉ: 80/3 Đặng Văn N, Phường M, quận P, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn B**; địa chỉ trụ sở: Đường 2B, Khu Công nghiệp V, phường H, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Park Kye H – chức vụ: Giám đốc; địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Lô D, P.701 Chung cư T, đường Nguyễn Văn Q, phường Đ, Quận K, Thành phố H; (vắng mặt).

3. *Người làm chứng*: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1970; địa chỉ tại 778/53 đường Nguyễn K, Phường K, quận P, Thành phố H; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Yến N làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (sau đây gọi là Công ty) từ ngày 20/02/2017, Công ty không có ký kết hợp đồng lao động nhưng các bên thỏa thuận miệng: Hình thức trả lương bằng tiền mặt 01 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; tiền thưởng: Làm việc đủ 01 năm thì được hưởng 01 tháng lương vào dịp tết nguyên đán, chế độ nghỉ phép là 14 ngày phép/01năm; chế độ nâng lương theo quy định. Mức lương cơ bản của bà ban đầu là 4.213.000đ/tháng. Từ ngày 12/02/2018, Công ty ngừng hoạt động.

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2018, bà có yêu cầu Công ty TNHH B trả tiền lương tháng 13 năm 2017 là 3.520.990đ, nay bà rút lại yêu cầu này; đồng thời xác định lại yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B thanh toán 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017 là 1.566.426 đồng; thanh toán các khoản tiền của 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018) với số tiền là 2.541.091 đồng; thanh toán 10 ngày tiền phép năm của năm 2017 là 1.620.385 đồng.

Bà yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn B thanh toán tổng số tiền 5.727.902đ, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để giải quyết vụ án, bị đơn không đến và không có ý kiến trình bày.

Theo bảng tự khai ngày 20/9/2018, bà Dương Thị T người làm chứng trình bày: Bà là kế toán trưởng của Công ty TNHH B, bà có biết bà Yến N vào làm việc cho Công ty từ ngày 20/02/2017, do lúc này Công ty rơi vào tình trạng khó khăn nên không ký hợp đồng lao động với bà N, Công ty chỉ thỏa thuận miệng với mức lương của bà N là 4.213.000đ/26 ngày công. Hình thức trả lương bằng tiền mặt 01 lần vào ngày 10 dương lịch hàng tháng; tiền thưởng: Làm việc đủ 01 năm thì được hưởng 01 tháng lương vào dịp tết nguyên đán, chế độ nghỉ phép là 14 ngày phép/01năm; chế độ nâng lương theo quy định. Tuy nhiên, đến tháng 02/2018 thì Công ty ngừng hoạt động và còn nợ bà N tiền lương tháng 10/2017 là 1.566.426 đồng; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018) với số tiền là 2.541.091 đồng; 10 ngày tiền phép năm của năm 2017 là 1.620.385 đồng.

Tại phiên Tòa:

Bị đơn vắng mặt, người làm chứng và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp

luật, bị đơn đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiền lương và tiền phép năm, đây là tranh chấp về lao động cá nhân giữa người lao động và người sử dụng lao động; bị đơn có trụ sở hoạt động tại quận Bình Tân. Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về điều kiện khởi kiện: theo đơn khởi kiện của nguyên đơn có tranh chấp về tiền lương, căn cứ theo Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định một số loại việc tranh chấp bắt buộc phải qua hòa giải cơ sở. Do đó, căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động lập ngày 17/4/2018 của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì việc khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định nên nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

Về thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Công ty TNHH B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu Công ty có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc tranh chấp về tiền lương và tiền phép năm giữa bà Nguyễn Thị Yến N và Công ty nhưng Công ty vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố dụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền lương tháng 13 năm 2017. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, nguyên đơn đã xin rút yêu cầu này theo đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 10/7/2018. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lương tháng 10/2017; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 và 10 ngày tiền phép năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn khai, bắt đầu vào làm việc tai Công ty từ ngày 20/02/2017, hai bên không có ký kết hợp đồng nhưng hai bên có thỏa thuận: Hình thức trả lương bằng tiền mặt 01 lần vào ngày 10 dương lịch hàng

tháng; tiền thưởng: Làm việc đủ 01 năm thì được hưởng 01 tháng lương vào dịp tết nguyên đán, chế độ nghỉ phép là 14 ngày phép/01năm; chế độ nâng lương theo quy định; về phía nguyên đơn đã hoàn thành công việc thỏa thuận; về phía bị đơn còn nợ các khoản như đã nêu trên. Mức lương cơ bản ban đầu của nguyên đơn là 4.213.000đ/tháng.

Nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa bảng tính 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018); 10 ngày tiền phép năm của năm 2017. Ngoài ra, người làm chứng bà Dương Thị T xác nhận bà Yến N thực tế có vào làm việc tại Công ty từ ngày 20/02/2017 do thời điểm đó Công ty rơi vào hoàn cảnh khó khăn nên hai bên không có ký hợp đồng lao động, hai bên có thỏa thuận công việc như nguyên đơn trình bày nêu trên là đúng. Hiện Công ty còn nợ bà Yến N 70% tiền lương ngưng việc trong tháng 10/2017 là 1.566.426đ; 08 ngày công làm việc trong tháng 02/2018 (tính đến ngày 12/02/2018) là 2.541.091đồng; 10 ngày tiền phép năm của năm 2017 là 1.620.385đồng.

Căn cứ vào Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: "*Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ . . .thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được . . .để giải quyết vụ án"*.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh."*

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, trong đó các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vốn và lãi nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Căn cứ vào lời khai người làm chứng và bảng tính lương công nhân của Công ty TNHH B thì thực tế giữa nguyên đơn và bị đơn có diễn ra quan hệ lao động và mức lương cơ bản hàng tháng nguyên đơn nhận là 4.213.000đ/tháng. Do đó, đối với yêu cầu thanh toán lương ngừng việc tháng 10/2017, phía nguyên đơn khai trong tháng 10/2017 vì bị đơn không có việc làm nên có thỏa thuận với tất cả công nhân trả 70% lương ngừng việc trong những ngày không được làm việc; về phía bị đơn vắng mặt không rõ lý do và không có ý kiến phản bác lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012 nên 70% lương của 13.81 ngày công tháng 10/2017 tương ứng số tiền 1.566.426đ là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu 08 ngày công làm việc (lương, tăng ca và phụ cấp) tháng 02/2018, Tòa án có xác minh tại Cơ quan bảo hiểm xã hội quận Bình Tân không có thông tin bị đơn đóng các chế bảo hiểm cho nguyên đơn nên không xác định rõ mức lương cơ bản của nguyên đơn tại thời điểm tháng 02/2018 là bao nhiêu. Căn cứ trên bảng tính lương, nguyên đơn xác định tiền lương 08 ngày công tháng 02/2018 là 2.541.091đ; về phía bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày hay cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác yêu cầu của nguyên đơn nên yêu cầu 08 ngày công tháng 02/2018 nêu trên của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu 10 ngày phép năm 2017: căn cứ vào thỏa ước lao động tập thể quy định: "0*1 năm làm việc thì được nghỉ 14 ngày phép và cứ 05 năm làm việc liên tục thì được hưởng thêm 01 ngày phép*" việc thỏa thuận này giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 3 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động năm 2012. Nguyên đơn căn cứ vào bảng tính lương phép năm của năm 2017 thì xác định được số ngày được nghỉ phép của nguyên đơn là 10 ngày và yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền này, bị đơn vắng mặt không có ý kiến phản bác về lời trình bày của nguyên đơn nên số tiền phép năm được hưởng của nguyên đơn là 1.620.385đ là có cở sở chấp nhận.

Như vậy, từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí có giá ngạch nên Công ty TNHH B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; 217, 227, 228, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 90, 96, 98, 103, 111 và Điều 114 của Bộ luật lao động;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Điều 24 và Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến N.

Buộc Công ty TNHH B phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Yến N các khoản nợ tiền lương và tiền nghỉ phép năm 2017, với tổng số tiền là 5.727.902đ (Năm triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm lẻ hai đồng), thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền lương tháng 13 năm 2017 của nguyên đơn.

3. Về án phí dân sự: Công ty TNHH B phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Yến